

**ĐIỂM NÀY CÓ GÌ SAI SÓT THÌ LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com  
PHẢN ÁNH GHI RÕ CỤ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PHÒNG ĐÀO TẠO GIẢI  
QUYẾT**

**BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO** **ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ B16KKT\_TRỪ KTẾ+KT&CN**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN** **TÊN HỌC PHẦN: LÝ THUYẾT XÁC SUẤT & THỐNG KÊ ĐỢT HỌC** **4**  
**MÃ HỌC PHẦN : STA - 151** **TÍN CHỈ** **3**  
**Ngày thi: 27/10/2011** **LẦN THI** **1**

| ST<br>T | MSV       | Họ và tên       |        | Lớp     | ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%) |   |     |   |     |   |   |   |     |     | ĐIỂM TỔNG KẾT |  | Ghi chú |
|---------|-----------|-----------------|--------|---------|----------------------------|---|-----|---|-----|---|---|---|-----|-----|---------------|--|---------|
|         |           |                 |        |         | A                          | P | Q   | H | L   | M | I | G | F   | SỐ  | CHỮ           |  |         |
|         |           |                 |        |         | 10                         |   | 10  |   | 25  |   |   |   | 55  | 100 |               |  |         |
| 1       | 162310372 | Nguyễn Thị Thu  | Ba     | B16KKT  | 9                          |   | 10  |   | 9.5 |   |   |   | 8   | 8.7 | Tâm pháp Baý  |  |         |
| 2       | 162310374 | Lê Thị Hoàng    | Cúc    | B16KKT  | 8                          |   | 9   |   | 9.3 |   |   |   | 6   | 7.3 | Baý pháp Ba   |  |         |
| 3       | 162310385 | Dương Thị Thu   | Hồng   | B16KKT  | 9                          |   | 10  |   | 9.5 |   |   |   | 10  | 9.8 | Chên pháp Tâm |  |         |
| 4       | 162310386 | Phan Thi        | Huyền  | B16KKT  | 9                          |   | 8   |   | 9   |   |   |   | 7   | 7.8 | Baý pháp Tâm  |  |         |
| 5       | 162310396 | Hoàng Mai       | Ly     | B16KKT  | 10                         |   | 10  |   | 9.5 |   |   |   | 9   | 9.3 | Chên pháp Ba  |  |         |
| 6       | 162310400 | Lê Thị          | Nga    | B16KKT  | 9                          |   | 10  |   | 9   |   |   |   | 9   | 9.1 | Chên pháp Mất |  |         |
| 7       | 162310401 | Đỗ Bảo          | Ngân   | B16KKT  | 7                          |   | 9   |   | 9   |   |   |   | 4.5 | 6.3 | Sầu pháp Ba   |  |         |
| 8       | 162310406 | Trương Thị      | Oanh   | B16KKT  | 10                         |   | 8   |   | 9.3 |   |   |   | 6.3 | 7.6 | Baý pháp Sầu  |  |         |
| 9       | 162310408 | Đỗ Hoài         | Phương | B16KKT  | 8                          |   | 9   |   | 9   |   |   |   | 3.5 | 0.0 | Khăng         |  |         |
| 10      | 162310409 | Trần Thị        | Phương | B16KKT  | 8                          |   | 9   |   | 9   |   |   |   | 4.5 | 6.4 | Sầu pháp Bấu  |  |         |
| 11      | 162310413 | Nguyễn Thị      | Sơn    | B16KKT  | 9                          |   | 10  |   | 9   |   |   |   | 8.5 | 8.8 | Tâm pháp Tâm  |  |         |
| 12      | 162310422 | Hoàng Thị       | Thùy   | B16KKT  | 10                         |   | 8   |   | 9.3 |   |   |   | 9.5 | 9.4 | Chên pháp Bấu |  |         |
| 13      | 162310425 | Phạm Thị Lệ     | Thủy   | B16KKT  | 9                          |   | 9   |   | 9.3 |   |   |   | 8.5 | 8.8 | Tâm pháp Tâm  |  |         |
| 14      | 162310429 | Mai Thị Xuân    | Trang  | B16KKT  | 8                          |   | 8   |   | 9   |   |   |   | 4.5 | 6.3 | Sầu pháp Ba   |  |         |
| 15      | 162310431 | Trần Thị Huyền  | Trang  | B16KKT  | 8                          |   | 0   |   | 9   |   |   |   | 6.5 | 6.6 | Sầu pháp Sầu  |  |         |
| 16      | 162310437 | Hồ Thị Ánh      | Tuyết  | B16KKT  | 9                          |   | 7   |   | 9   |   |   |   | 6.8 | 7.6 | Baý pháp Sầu  |  |         |
| 17      | 162310439 | Lê Thị Cẩm      | Vân    | B16KKT  | 10                         |   | 10  |   | 9   |   |   |   | 9.5 | 9.5 | Chên pháp Nằm |  |         |
| 18      | 162310442 | Hoàng Thị Ngọc  | Ý      | B16KKT  | 10                         |   | 10  |   | 9   |   |   |   | 8   | 8.7 | Tâm pháp Baý  |  |         |
| 19      | 162310444 | Nguyễn Bảo      | Yến    | B16KKT  | 9                          |   | 8   |   | 9   |   |   |   | 5   | 6.7 | Sầu pháp Baý  |  |         |
| 20      | 162320272 | Lê Thị          | Hồng   | B16KKT  | 6                          |   | 0   |   | 0   |   |   |   | HP  | 0.0 | Khăng         |  |         |
| 21      | 162330807 | Trần Thị Kim    | Oanh   | B16KKT  | 10                         |   | 9   |   | 9.3 |   |   |   | 9.5 | 9.5 | Chên pháp Nằm |  |         |
| 22      | 152317504 | Hoàng Thị Hiền  | Trang  | B16KKT  | 9                          |   | 7.5 |   | 7.5 |   |   |   | 5.5 | 6.6 | Sầu pháp Sầu  |  |         |
| 1       | 152357248 | Hoàng Thị Thanh | Nhài   | B15QTC  | 9                          |   | 9   |   | 9   |   |   |   | 4   | 6.3 | Sầu pháp Ba   |  |         |
| 2       | 142337421 | Nguyễn Thị      | Luyến  | B14QTH2 | 10                         |   | 9.5 |   | 9.3 |   |   |   | 6   | 7.6 | Baý pháp Sầu  |  |         |

**BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU**

| STT                | NỘI DUNG THỐNG KÊ | SL        | TỶ LỆ       | GHI CHÚ |
|--------------------|-------------------|-----------|-------------|---------|
| 1                  | Số sinh viên đạt  | 22        | 92%         |         |
| 2                  | Số sinh viên nợ   | 2         | 8%          |         |
| <b>TỔNG CỘNG :</b> |                   | <b>24</b> | <b>100%</b> |         |

**LẬP BẢNG**

**KIỂM TRA**  
(ký và ghi rõ họ tên)

**TTĐT TỪ XA & T.XUYỀN**  
(ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 11 năm 2011  
**PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH**  
(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Kim Đức

Phạm Hồng Phương

**TS. Hồ Văn Nhân**

ThS. Nguyễn Hữu Phú